TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**
Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST Ngày: 27 - 7 - 2020. V/v Tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Thảo.

2. Ông Phùng Hiếu Trung.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2020 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị P - sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp B, xã d, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh T - sinh năm: 1985.

Địa chỉ: ấp L, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị P và anh T quen biết nhau vào năm 2013, đến năm 2015 thì sống chung như vợ chồng; không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/5/2016 tại UBND xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015, khi chị P sinh cháu M thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, khi say xỉn về nhà thì kiếm chuyện gây gổ, đánh đập và la mắng vợ con. Chị P đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Đến năm 2018, chị P dẫn con về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị P nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hàn gắn. Chị P yêu cầu ly hôn anh T.

Tại phiên tòa, chị P xác định không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P yêu cầu xin được ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên M - sinh ngày: 03/9/2015 (*hiện đang sống với chị P*). Khi ly hôn, chị P yêu cầu được quyền nuôi con chung. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không tham gia phiên tòa theo quy định.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là anh Lê Tấn T không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là anh T.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu M - sinh ngày: 03/9/2015 (*hiện đang sống với chị P*) cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn; do chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị P xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị P khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quá trình tham gia tố tụng: Bị đơn là anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị P và anh T chung sống vợ chồng từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 31/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị P và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T thường xuyên ăn nhậu, kiếm chuyện gây gổ, đánh đập và la mắng vợ con, anh T sống không có trách nhiệm làm chồng, làm cha, không quan tâm chăm sóc con chung, bỏ bê gia đình… Chị P nhiều lần khuyên can nhưng anh T không nghe và không chịu sửa đổi; từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi, tình cảm ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, không thể hàn gắn. Từ năm 2018, chị Phúc dẫn con về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian này anh T cũng ít khi tới lui thăm nom con và cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị P.

Tại phiên tòa, chị P xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau; mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị P không thể tiếp tục chung sống với anh T; trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị P cũng cương quyết không trở về sống chung với anh T. Chị P thiết tha yêu cầu xin Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh T.

Về phía anh T: Quá trình tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, anh T đã được Tòa án tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P, không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy, anh T đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định. Bản thân anh T cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị P nên đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp T liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*…".

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Giữa chị P và anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh T không đến Tòa án tham gia hòa giải, xét xử cũng không có văn bản ý kiến, trình bày gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị P. Từ đó cho thấy, bản thân anh T cũng không có thành ý muốn hòa giải, đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị P. Nếu chị P và anh T đoàn tụ tiếp tục chung sống vợ chồng thì cũng không có hạnh phúc. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, chị P xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống với anh T, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc. Do đó, xét thấy việc chị P yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên M - sinh ngày: 03/9/2015 (*hiện đang sống với chị P*). Khi ly hôn, chị P có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung; chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện cháu M đang có cuộc sống ổn định với chị P, được chị P và những người thân trong gia đình của chị P quan tâm, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và dành nhiều tình thương cho cháu. Mặc khác, hàng ngày anh T cũng ít khi quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho cháu M. Vì vậy, để đảm bảo cho cháu M có cuộc sống ổn định

và phát triển tốt về tâm sinh lý; Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu M cho chị P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu trong sinh hoạt, học tập. Anh T được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị P xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P. Cho chị P ly hôn anh T.

2. Về nuôi con chung: Chị P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên M - sinh ngày: 03/9/2015 (*hiện đang sống với chị P*). Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Anh Lê Tấn T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia T sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị P nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị P đã nộp ngày 02/3/2020 theo biên lai thu số: 0000774 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Tân Quy Tây, TP Sa Đéc, ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Trần Quốc Danh